

BÁO CÁO
TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH,
SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Bối cảnh và yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông

- Sau hơn 30 năm đổi mới, nền giáo dục của nước ta đã đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào, phát huy nhân tố con người, hướng đến thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, chất lượng, hiệu quả GD-ĐT còn thấp so với yêu cầu, hệ thống GDĐT còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành; đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW- Ngày 04 tháng 11 năm 2013) về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trong điều kiện và bối cảnh đó thì việc triển khai chương trình GDPT 2018 là tất yếu.

2. Đặc điểm, tình hình giáo dục và đào tạo của địa phương (khái quát đặc điểm nổi bật về địa giới, tổ chức hành chính, quy mô trường lớp, tổng số học sinh; đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục của cấp học...)

2.1. Số lớp, số học sinh

Năm học 2024-2025, nhà trường có 28 lớp với 944 học sinh. Cụ thể các khối lớp như sau:

Khối	Số lớp	Số học sinh	Ghi chú
1	5	157	
2	6	194	
3	5	171	
4	6	214	
5	6	208	

Toàn trường	28	944	
--------------------	-----------	------------	--

2.2. Cơ sở vật chất

- Diện tích 9 689 m²
- Năm 2025, nhà trường có 28 phòng học cho 28 lớp, tỉ lệ 1 phòng/1 lớp.
- Nhà trường có 07 phòng học bộ môn: 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng Khoa học – Công nghệ, 01 phòng Tin học, 03 phòng Tiếng Anh.

2.3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Tổng số CBGV,NV: 42 (Biên chế: 41, Hợp đồng: 01). Trong đó:

- CBQL: 02 người;
- GV văn hoá: 32 người;
- GV chuyên: 05 người (03 GV Tiếng Anh, 01 GV Âm nhạc, 01 GV Tin học).
- Nhân viên: 03 người (Hợp đồng 01).

2.4. Các tổ chuyên môn

Nhà trường có 04 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng với 39 thành viên. Các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng, tổ phó để điều hành công việc và quản lý hoạt động chuyên môn của tổ mình.

2.5. Điều kiện bảo đảm

Để việc triển khai Chương trình GDPT 2018 theo đúng lộ trình và có hiệu quả, ngay từ cuối năm học 2019- 2020 (chuẩn bị cho lớp 1 theo chương trình GDPT 2018), nhà trường thực hiện việc rà soát về đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018 có hiệu quả.

Nhà trường đã tham mưu với các cấp lãnh đạo để có đủ số lượng giáo viên, đảm bảo đạt tỷ lệ giáo viên theo quy định. Nhà trường đã phân công giáo viên dạy ở tất cả các môn học có trình độ đạt chuẩn, là giáo viên có kinh nghiệm, có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có khả năng đáp ứng các điều kiện tập huấn cũng như khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, số lượng giáo viên chưa đáp ứng đủ giảng dạy các môn Giáo dục thể chất, Tiếng Anh, Mỹ thuật.

3. Thuận lợi, khó khăn: *(về kinh tế, chính trị, xã hội; giáo dục và đào tạo, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục)*

3.1. Thuận lợi

Nhà trường có khuôn viên rộng rãi, có đầy đủ 28 phòng học kiên cố cho 28 lớp học, có 7 phòng học bộ môn (01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng Khoa học – Công nghệ, 01 phòng Tin học, 03 phòng Tiếng Anh). Các phòng học đều có màn hình để trình chiếu, hệ thống bảng trượt phục vụ tốt công tác đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường sắp xếp 01 thư viện, 01 phòng đọc nhằm phát triển văn hóa đọc cho học sinh.

Tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường đều có tinh thần đoàn kết, có lòng yêu nghề, say mê với công việc; có năng lực quản lý cũng như năng lực chuyên môn rất vững vàng, được học sinh kính trọng, cha mẹ học sinh tin tưởng.

Học sinh nhà trường cơ bản ngoan, chăm chỉ học hành, có ý thức vươn lên trong học tập. Chất lượng giáo dục đại trà của nhà trường vẫn duy trì bền vững.

3.2. Khó khăn

Các phòng học nhỏ hẹp không đạt chuẩn do xây dựng trong giai đoạn trước nên rất khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động dạy học.

Cơ cấu giáo viên chưa thật đồng đều ở các môn học, một số môn chưa có giáo viên chuyên như Thể dục, Mỹ thuật, GV tư vấn học đường.

Số nhân viên hành chính chỉ có 03 đồng chí, còn thiếu 01 đồng chí. Nhà trường thiếu nhân viên chuyên trách y tế nên nhiều lúc cũng gặp nhiều khó khăn trong thực hiện

Một số giáo viên trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác dạy học và giáo dục học sinh.

II. NỘI DUNG

1. Công tác chỉ đạo

1.1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đổi mới CT, SGK của Ủy ban nhân dân các cấp, Sở GDĐT, Phòng GDĐT và các trường (thống kê đầy đủ các văn bản).

Bảng 1. *Bảng thống kê các văn bản (có biểu mẫu kèm theo)*

1.2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý về CT, SGK

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên triển khai Chương trình GDPT 2018.

Tính đến thời điểm hiện tại có 100% cán bộ giáo viên đã hoàn thành nội dung bồi dưỡng các Mô đun và tập huấn sử dụng sách giáo khoa lớp 1,2,3,4,5 do NXB Giáo dục Việt Nam tổ chức trực tuyến.

100% giáo viên tham dự các buổi sinh hoạt chuyên môn do Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Nhà trường đã tổ chức các chuyên đề dạy minh họa ở các môn học và hoạt động giáo dục. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, giáo viên đã tích cực chia sẻ, trao đổi, mạnh dạn nêu ý kiến đề xuất. Tổ trưởng, nhóm trưởng lắng nghe, kịp thời giải đáp các băn khoăn, vướng mắc để giáo viên tự tin khi thực hiện.

1.3. Chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, SGK, tài liệu giáo dục địa phương

Năm 2025, nhà trường có 28 phòng học cho 28 lớp, tỉ lệ 1 phòng/1 lớp.

Nhà trường có 07 phòng học bộ môn: 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật, 01 phòng Khoa học – Công nghệ, 01 phòng Tin học, 03 phòng Tiếng Anh.

Nhà trường trang bị đồ dùng thiết bị tối thiểu cho GV giảng dạy.

SGK, tài liệu GD địa phương đầy đủ cho GV và học sinh.

1.4. Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai ở đơn vị

Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai Chương trình GDPT 2018 được diễn ra thường xuyên, đảm bảo đúng lộ trình, thực hiện triển khai theo chương trình GDPT 2018.

- Đánh giá chung

+ Ưu điểm:

Được sự quan tâm và chỉ đạo sâu sát từ các cấp, ngành và chính quyền địa phương đã tạo điều kiện tốt để đầu tư vào cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học. Điều này đảm bảo rằng các khối lớp có đủ trang thiết bị cần thiết cho việc học tập. Việc thực hiện chương trình giáo dục 2018 đã đạt được nhiều thuận lợi và kết quả tốt.

Nhà trường và giáo viên đã được trao quyền chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục và kế hoạch dạy học, điều này giúp tạo ra các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế. Sự sẵn có của nhiều bộ sách giáo khoa cũng đã tạo ra nguồn tư liệu phong phú và đa dạng cho giáo viên, giúp họ cải thiện chất lượng giảng dạy.

+ Tồn tại: Một số giáo viên lớn tuổi có năng lực tin học hạn chế, gặp khó khăn trong việc sử dụng công nghệ mới trong giảng dạy. Cần có sự hỗ trợ và đào tạo thêm để giúp họ nắm vững kỹ năng này.

2. Về đội ngũ giáo viên

- Công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên (thống kê số lượng giáo viên theo từng cấp học, môn học, thừa, thiếu).

Bảng 2. Bảng thống kê số lượng giáo viên của cấp học, môn học (có biểu mẫu kèm theo)

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên triển khai Chương trình GDPT 2018.

Tính đến thời điểm hiện tại có 100% cán bộ giáo viên đã hoàn thành nội dung bồi dưỡng các Mô đun và tập huấn sử dụng sách giáo khoa lớp 1,2,3,4,5 do NXB Giáo dục Việt Nam tổ chức trực tuyến.

100% giáo viên tham dự các buổi sinh hoạt chuyên môn do Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Nhà trường đã tổ chức các chuyên đề dạy minh họa ở các môn học và hoạt động giáo dục. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, giáo viên đã tích cực chia sẻ, trao đổi, mạnh dạn nêu ý kiến đề xuất. Tổ trưởng, nhóm trưởng lắng nghe, kịp thời giải đáp các băn khoăn, vướng mắc để giáo viên tự tin khi thực hiện.

- Sự chủ động, sáng tạo của giáo viên trong việc thực hiện CT, SGK: Các thầy cô giáo tự bồi dưỡng thường xuyên, nghiên cứu cả chương trình, sách giáo

khoa để nâng cao năng lực bản thân, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ hiệu quả cho giảng dạy.

- Đánh giá chung

- + Ưu điểm: Đội ngũ giáo viên đã được nâng cao về chuyên môn và nghiệp vụ, yên tâm với nghề và luôn chủ động học hỏi để nâng cao chất lượng giáo dục. Công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ cũng đã được triển khai rộng rãi, giúp tạo ra hiệu quả thiết thực trong giảng dạy và quản lý giáo dục.

- + Tồn tại: Một số giáo viên lớn tuổi có năng lực tin học hạn chế, gặp khó khăn trong việc sử dụng công nghệ mới trong giảng dạy. Cần có sự hỗ trợ và đào tạo thêm để giúp họ nắm vững kỹ năng này.

3. Về cơ sở vật chất

- Đánh giá tình hình cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của các trường trước khi triển khai CT, SGK mới.

- Kết quả đạt được về đầu tư, nâng cấp CSVC, thiết bị dạy học theo yêu cầu mới.

Bảng 3. *Bảng thống kê về cơ sở vật chất (có biểu mẫu kèm theo)*

Bảng 4. *Bảng thống kê về thiết bị dạy học (có biểu mẫu kèm theo)*

- Đánh giá chung

- + Ưu điểm: Trường học cũng đã đầu tư về CSVC, đảm bảo rằng tất cả cán bộ, giáo viên và nhân viên biết ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc của họ. Sự quan tâm và ủng hộ từ phía ban đại diện cha mẹ học sinh và phụ huynh học sinh cũng đóng góp quan trọng đến việc thực hiện chương trình giáo dục 2018.

- + Tồn tại: Công tác mua sắm thiết bị dạy học cũng gặp khó khăn, và giá sách giáo khoa vẫn cao so với thu nhập của đa số người dân. Ngoài ra, sự khác biệt giữa mục tiêu trong chương trình giáo dục hiện hành và chương trình GDPT mới cũng gây ra nhiều khó khăn cho giáo viên trong việc soạn giảng.

4. Về kinh phí

- Các văn bản tạo hành lang pháp lý cho việc bố trí, thanh quyết toán kinh phí thực hiện đổi mới CT, SGK.

- Về kinh phí: Đánh giá tình hình bố trí kinh phí cho các đơn vị năm 2019, giai đoạn 2020-2025; năm 2025; đánh giá kết quả đáp ứng của các nguồn kinh phí so với nhu cầu thực tế. Trong đó đánh giá khả năng cân đối của các nguồn NSNN so với nhu cầu thực tế của đơn vị.

- Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc bố trí kinh phí thực hiện đổi mới CT, SGK.

- Kết quả đạt được, khó khăn trong bố trí kinh phí và thực hiện giải ngân thanh quyết toán các nguồn kinh phí thực hiện đổi mới CT, SGK.

Bảng 5. *Bảng thống kê về kinh phí (có biểu mẫu kèm theo)*

- Đánh giá chung
- + Ưu điểm
- + Tồn tại

5. Về CT, SGK, tài liệu giáo dục địa phương

- Nhận xét, đánh giá về CT, SGK của từng môn học và hoạt động giáo dục; chỉ rõ ưu điểm, hạn chế, các giải pháp thực hiện và đề xuất

***/ MÔN TIẾNG VIỆT**

1. Ưu điểm

a. Về chương trình:

Tiếp cận phát triển năng lực học sinh: Chương trình chú trọng phát triển toàn diện 4 kỹ năng nghe – nói – đọc – viết, kết hợp phát triển tư duy ngôn ngữ, giao tiếp và phẩm chất.

Tích hợp và phân hoá: Có sự tích hợp giữa các hoạt động (Tập đọc, Chính tả,

Luyện từ và câu, Tập làm văn...), đồng thời có tính phân hóa để phù hợp với đối tượng học sinh khác nhau.

Tăng cường thực hành, vận dụng: Học sinh được tham gia nhiều hoạt động học tập trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

b. Về sách giáo khoa:

Nội dung phong phú, gần gũi: Các bài học có nội dung đa dạng, gần gũi với cuộc sống, góp phần hình thành tình yêu ngôn ngữ và văn hóa dân tộc.

Đổi mới hình thức trình bày: SGK được thiết kế sinh động, nhiều hình ảnh minh họa giúp học sinh dễ tiếp cận.

Tích hợp liên môn: Nhiều bài học lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, bảo vệ môi trường...

2. Hạn chế

a. Về chương trình:

Chưa cân đối giữa các kỹ năng: kỹ năng nói – nghe chưa được chú trọng bằng kỹ năng đọc – viết.

Thời lượng chưa phù hợp: Thời gian học chưa thực sự đủ để học sinh rèn luyện sâu và vững kiến thức.

b. Về sách giáo khoa:

Khó đối với học sinh yếu: Một số bài đọc dài, từ ngữ khó gây trở ngại cho học sinh lớp nhỏ hoặc học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

Còn thiếu tài liệu hỗ trợ giáo viên: Một số SGK chưa đi kèm đầy đủ tài liệu hướng dẫn, sách bổ trợ, học liệu số tương ứng.

3. Giải pháp thực hiện

Tăng cường bồi dưỡng giáo viên: Tổ chức các lớp tập huấn về phương pháp dạy học phát triển năng lực, dạy học phân hóa và sử dụng SGK mới hiệu quả.

Phát triển học liệu đi kèm: Xây dựng hệ thống tài liệu hướng dẫn, bài giảng mẫu, học liệu số hỗ trợ cho giáo viên và học sinh.

Tăng cường kiểm tra, đánh giá linh hoạt: Xây dựng hệ thống đánh giá theo hướng hỗ trợ học sinh tiến bộ, không gây áp lực.

4. Đề xuất

Rà soát và điều chỉnh nội dung SGK: Cần rà soát lại các bài học quá nặng, chưa phù hợp để điều chỉnh ngôn ngữ, độ dài và nội dung cho phù hợp từng lớp học.

Xây dựng ngân hàng bài học, học liệu mở: Tạo kho học liệu trực tuyến, video minh họa giúp học sinh học tập linh hoạt, đa dạng hơn.

Tăng cường sự tham gia của phụ huynh: Hướng dẫn phụ huynh cách phối hợp cùng giáo viên để hỗ trợ con học tập tốt hơn môn Tiếng Việt tại nhà.

***/ MÔN TOÁN**

1. Ưu điểm

a. Về Chương trình:

Tiếp cận năng lực: Chương trình mới xây dựng theo hướng phát triển năng lực, chú trọng hình thành và phát triển năng lực toán học (tư duy logic, giải quyết vấn đề, lập luận toán học...).

Tích hợp – phân hoá hợp lý: CT thiết kế đảm bảo tính tích hợp ở các lớp đầu cấp và phân hóa dần ở các lớp cao, phù hợp với đặc điểm phát triển tâm sinh lý học sinh.

Liên thông giữa các lớp và cấp học: CT đảm bảo tính kế thừa, liên thông từ lớp 1 đến lớp 5 và lên THCS.

Tăng cường tính thực tiễn: Nhiều nội dung toán học gắn với đời sống, giúp học sinh thấy được ý nghĩa thực tế của Toán học.

b. Về Sách giáo khoa:

Đa dạng nội dung và hình thức trình bày: SGK được biên soạn sinh động, nhiều hình ảnh trực quan, màu sắc bắt mắt, giúp học sinh dễ tiếp cận và hứng thú học tập.

Tăng cường hoạt động học: Các bài học thường được thiết kế dưới dạng hoạt động khám phá – luyện tập – vận dụng, giúp học sinh chủ động tiếp cận kiến thức.

Có nhiều bộ SGK để lựa chọn: Việc có nhiều bộ SGK tạo điều kiện cho nhà trường, giáo viên và học sinh có sự lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Hạn chế

a. Về Chương trình

Tải kiến thức còn cao ở một số lớp: Một số nội dung trong chương trình (đặc

biệt lớp 1, 2) vẫn còn nặng với học sinh học sinh chậm tiếp thu.

Thiếu thống nhất trong thực hiện: Do có nhiều bộ SGK, việc tổ chức dạy học, bồi dưỡng giáo viên có lúc chưa đồng bộ, gây khó khăn trong việc dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

b. Về sách giáo khoa:

Nội dung một số bài còn nặng so với học sinh lớp nhỏ: Nhiều bài tập đòi hỏi tư duy trừu tượng cao nhưng chưa có đủ hoạt động dẫn dắt, nhất là ở lớp 1 và lớp 2.

Một số bài toán mang tính áp đặt: Một số tình huống thực tiễn được lồng ghép còn gượng ép, chưa thực sự phù hợp với lứa tuổi hoặc hoàn cảnh sống của học sinh.

Tài liệu hỗ trợ giáo viên còn hạn chế: Một số giáo viên gặp khó khăn trong việc định hướng tổ chức hoạt động học tập vì thiếu tài liệu hướng dẫn cụ thể.

3. Giải pháp thực hiện

Tăng cường bồi dưỡng giáo viên: Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về phương pháp dạy học phát triển năng lực, sử dụng linh hoạt SGK và tài liệu dạy học.

Phát triển hệ thống tài liệu hướng dẫn: Xây dựng tài liệu hướng dẫn dạy học theo hướng cụ thể hóa từng hoạt động trong SGK, phù hợp với năng lực giáo viên và đối tượng học sinh.

Phát huy vai trò của giáo viên: Giáo viên được linh hoạt lựa chọn, điều chỉnh nội dung – phương pháp dạy học, miễn là đảm bảo chuẩn đầu ra.

4. Đề xuất:

Rà soát, tinh giản nội dung: Bộ GD&ĐT nên tiếp tục rà soát và điều chỉnh các nội dung còn nặng hoặc chưa phù hợp với tâm lý lứa tuổi, đặc biệt ở lớp 1, 2.

Thống nhất định hướng dạy học: Dù có nhiều bộ SGK, cần có khung hướng dẫn chung rõ ràng cho việc tổ chức hoạt động học theo CT để đảm bảo đồng bộ.

Tăng cường đánh giá định hướng năng lực: Phát triển hệ thống đánh giá học sinh phù hợp với định hướng phát triển năng lực, tránh quá chú trọng kiến thức thuần túy.

Tạo cơ hội phản hồi từ thực tiễn: Tổ chức lấy ý kiến thường xuyên từ giáo viên, học sinh, phụ huynh để cập nhật, điều chỉnh chương trình và SGK kịp thời.

***/ MÔN ĐẠO ĐỨC**

1. Ưu điểm

a. Về chương trình:

Tiếp cận phẩm chất, năng lực: CT môn Đạo đức tập trung phát triển các phẩm chất chủ yếu như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm và năng lực sống.

Tích hợp và gắn gũi với thực tiễn: Nội dung gắn với đời sống hằng ngày, các

tình huống gần gũi với học sinh.

Phân hóa, cá nhân hóa: Cho phép giáo viên linh hoạt trong việc điều chỉnh phù hợp với đối tượng học sinh.

Phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội: Tạo môi trường giáo dục đạo đức toàn diện.

b. Về sách giáo khoa:

Đa dạng hình thức thể hiện: Sử dụng tranh ảnh, truyện kể, hoạt động nhóm, trò chơi... để học sinh tiếp cận kiến thức một cách sinh động, hấp dẫn.

Tăng cường trải nghiệm: Tích hợp nhiều hoạt động trải nghiệm giúp học sinh "học đi đôi với hành".

Khuyến khích tư duy phản biện và tự đánh giá: Có các câu hỏi mở, tình huống để học sinh thảo luận, tự rút ra bài học.

2. Hạn chế

Một số nội dung còn trùng lặp giữa các lớp hoặc chưa có sự tăng dần về mức độ yêu cầu theo cấp độ phát triển nhận thức của học sinh.

Chưa thật sự đồng bộ giữa sách và thực tiễn giảng dạy: Một số tình huống trong SGK còn mang tính khuôn mẫu, thiếu thực tế.

Khối lượng hoạt động tương đối nhiều, gây áp lực cho giáo viên nếu không có kỹ năng tổ chức hiệu quả.

Thiếu tài liệu hướng dẫn hỗ trợ giáo viên để triển khai các hoạt động tích cực, đặc biệt là các giáo viên vùng khó khăn.

3. Giải pháp thực hiện

Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên: Đào tạo kỹ năng sư phạm về tổ chức hoạt động, xử lý tình huống sư phạm, giáo dục giá trị sống.

Tăng cường chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm: Tổ chức các chuyên đề, sinh hoạt tổ chuyên môn để giáo viên trao đổi phương pháp giảng dạy hiệu quả.

Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh và cộng đồng: Đưa nội dung đạo đức thành thực tiễn sống hằng ngày.

Phát huy vai trò giáo dục của các môn học khác và hoạt động trải nghiệm: Tạo nên một môi trường giáo dục toàn diện.

4. Đề xuất

Điều chỉnh, tinh gọn một số nội dung lặp lại trong CT và SGK, tăng tính thực tế, linh hoạt.

Phát triển hệ thống học liệu hỗ trợ: Video, tình huống mô phỏng, tranh ảnh... để giáo viên dễ dàng triển khai dạy học theo hướng tích cực.

Tăng cường đánh giá năng lực đạo đức theo quá trình, không chỉ dựa vào kết quả cuối cùng.

Có cơ chế khuyến khích sáng kiến đổi mới dạy học đạo đức, nhân rộng các

mô hình hiệu quả.

***/ MÔN KHOA HỌC**

1. Ưu điểm

a. Về chương trình:

Tích hợp và hiện đại: Chương trình Khoa học lớp 4, 5 theo CTGDPT 2018 có tính tích hợp cao giữa các lĩnh vực khoa học tự nhiên như Vật lý, Hóa học, Sinh học và Khoa học Trái Đất, giúp học sinh có cái nhìn toàn diện và gần gũi với thực tế.

Phát triển phẩm chất và năng lực: Nhấn mạnh việc hình thành và phát triển năng lực khoa học như quan sát, tìm hiểu, khám phá, giải quyết vấn đề... đồng thời rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng hợp tác.

Tiếp cận phương pháp giáo dục tiên tiến: Chú trọng phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập.

b. Về sách giáo khoa:

Thiết kế đẹp, hình ảnh sinh động: SGK được trình bày rõ ràng, có nhiều hình ảnh minh họa hấp dẫn, gần gũi với đời sống, giúp học sinh dễ tiếp thu.

Nội dung gần với thực tiễn: Nhiều bài học liên hệ trực tiếp với môi trường sống xung quanh, giúp học sinh ứng dụng kiến thức vào cuộc sống hằng ngày.

Tăng cường hoạt động trải nghiệm: Có các phần “Em có biết”, “Hãy thử làm”, “Khám phá”,... giúp kích thích sự tò mò, yêu thích khoa học ở học sinh.

2. Hạn chế

a. Về chương trình:

Lượng kiến thức khá nhiều: Một số bài có nội dung khá “nặng” so với tâm lý lứa tuổi học sinh lớp 4, 5, đặc biệt với học sinh vùng sâu, vùng xa.

b. Về sách giáo khoa:

Một số nội dung còn trừu tượng: Một vài khái niệm khoa học như “năng lượng”, “sự biến đổi hóa học”, “lực”... được trình bày chưa thực sự dễ hiểu với học sinh tiểu học.

Thiếu thiết bị thực hành đồng bộ: SGK hướng dẫn thực hành nhưng cơ sở vật chất ở nhiều trường còn thiếu thốn, giáo viên khó triển khai hiệu quả.

Chưa có nhiều tài liệu hỗ trợ giáo viên: Giáo viên còn lúng túng trong lựa chọn phương pháp phù hợp do thiếu tài liệu hướng dẫn chuyên sâu, đặc biệt là giáo viên trái chuyên môn.

3. Giải pháp thực hiện

Tăng cường bồi dưỡng giáo viên: Tổ chức tập huấn chuyên sâu, thực tế cho giáo viên dạy Khoa học tiểu học, đặc biệt là nội dung thực hành và kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Đầu tư cơ sở vật chất: Trang bị tối thiểu các bộ dụng cụ thí nghiệm khoa học cho các lớp 4, 5 để triển khai dạy học theo đúng tinh thần chương trình mới.

Thiết kế bài học linh hoạt: Giáo viên cần linh hoạt điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn và đối tượng học sinh.

Tăng cường tài liệu hỗ trợ: Cần có các tài liệu đi kèm như sách giáo viên, ngân hàng câu hỏi, video hướng dẫn thí nghiệm... để hỗ trợ quá trình dạy và học.

4. Đề xuất

Điều chỉnh nội dung theo vùng miền: Với học sinh vùng nông thôn, miền núi, cần biên soạn các tài liệu bổ trợ phù hợp với điều kiện học tập và ngôn ngữ địa phương.

Tăng cường phối hợp giữa nhà trường - gia đình: Tuyên truyền cho phụ huynh hiểu vai trò của môn Khoa học, khuyến khích học sinh tìm hiểu kiến thức trong đời sống hằng ngày.

Tổ chức các sân chơi khoa học: Tổ chức cuộc thi, ngày hội khoa học tại trường tiểu học để tạo hứng thú và cơ hội vận dụng kiến thức thực tiễn.

***/ MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

1. Ưu điểm

a. Về chương trình

Tích hợp và phát triển năng lực: CTGDPT 2018 môn Lịch sử và Địa lí lớp 4, 5 được thiết kế tích hợp theo định hướng phát triển năng lực học sinh, gắn kiến thức với thực tiễn.

Phân bố hợp lý theo vùng miền: CT chú trọng đến đặc điểm địa phương, giúp học sinh hiểu về quê hương, đất nước từ góc nhìn địa phương đến quốc gia.

Tăng tính trải nghiệm: Chương trình khuyến khích học sinh tìm hiểu thực tế, quan sát bản đồ, tranh ảnh, hiện vật, tham gia hoạt động ngoài lớp học.

b. Về sách giáo khoa (SGK)

Hình thức sinh động, đẹp mắt: SGK được thiết kế nhiều hình ảnh, màu sắc bắt mắt, dễ tiếp cận với học sinh tiểu học.

Chủ đề gần gũi, thiết thực: Các bài học gắn với đời sống thực tế, địa phương, giúp học sinh dễ hiểu và dễ nhớ.

Nhiều hoạt động học tập: SGK có hệ thống câu hỏi, bài tập đa dạng giúp rèn luyện kỹ năng tư duy, quan sát, phân tích.

2. Hạn chế

a. Về chương trình

Khối lượng kiến thức còn nhiều: Một số nội dung tương đối nặng và khó đối với học sinh lớp 4, 5, đặc biệt là các nội dung lịch sử.

Khó khăn khi tích hợp: Việc dạy tích hợp giữa Lịch sử và Địa lí đôi khi chưa rõ ràng về trọng tâm môn học, giáo viên gặp khó khăn khi phân chia thời lượng và

mục tiêu cụ thể.

b. Về sách giáo khoa

Một số nội dung còn khó hiểu: Một số khái niệm lịch sử, địa lí còn trừu tượng đối với học sinh tiểu học, cần có sự hỗ trợ từ giáo viên mới hiểu được.

Thiếu tài liệu bổ trợ: SGK mới chưa được phủ rộng hệ thống tài liệu hướng dẫn, bài giảng điện tử, học liệu số hỗ trợ cho giáo viên và học sinh.

3. Giải pháp thực hiện

Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên: Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên để giáo viên nắm rõ cách dạy tích hợp và phương pháp phát triển năng lực học sinh.

Phát triển học liệu bổ trợ: Xây dựng hệ thống học liệu số, bài giảng trực tuyến, tài liệu hướng dẫn giảng dạy kèm theo SGK.

Đa dạng hóa phương pháp dạy học: Khuyến khích giáo viên sử dụng phương pháp dạy học tích cực: học theo dự án, đóng vai, trải nghiệm thực tế.

Tăng cường phối hợp nhà trường - gia đình - địa phương: Huy động sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm.

4. Đề xuất

Điều chỉnh nội dung phù hợp độ tuổi: Cần tinh giản hoặc điều chỉnh một số nội dung Lịch sử có tính trừu tượng, khó hiểu cho học sinh tiểu học.

Tăng cường ứng dụng công nghệ: Phát triển các phần mềm, trò chơi học tập hỗ trợ dạy – học môn Lịch sử và Địa lí hấp dẫn, phù hợp với học sinh nhỏ tuổi.

Lấy ý kiến giáo viên thực tế: Trong quá trình hoàn thiện và cải tiến SGK, nên tham khảo ý kiến giáo viên trực tiếp giảng dạy để đảm bảo tính thực tiễn và hiệu quả.

***/ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

1. Ưu điểm

a. Về chương trình

Định hướng phát triển phẩm chất, năng lực: CTGDPT 2018 môn GDTC tiểu học đã chuyển mạnh từ việc dạy kiến thức sang phát triển năng lực vận động, kỹ năng sống, và thói quen rèn luyện thể chất cho học sinh.

Tính mở và linh hoạt: CT cho phép giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở vật chất và đối tượng học sinh.

Tích hợp, liên môn: Có sự liên kết với các môn học khác (Âm nhạc, Mỹ thuật, Tự nhiên và Xã hội...), giúp học sinh phát triển toàn diện.

Tăng cường hoạt động trải nghiệm: Tạo cơ hội cho học sinh học tập thông qua vận động, chơi trò chơi, và các hoạt động thể chất thú vị.

b. Về sách giáo khoa (SGK)

Thiết kế đẹp, hấp dẫn: Hình ảnh sinh động, màu sắc tươi sáng, thu hút học sinh.

Nội dung gần gũi, phù hợp với lứa tuổi: Các hoạt động vận động đơn giản, dễ thực hiện, gắn liền với cuộc sống hàng ngày.

Đa dạng hoạt động: Bao gồm trò chơi vận động, bài tập thể chất, bài tập nhóm... giúp học sinh phát triển thể lực toàn diện.

Hướng dẫn rõ ràng: SGK có hướng dẫn cụ thể, dễ hiểu cho cả học sinh và GV.

2. Hạn chế

a. Về chương trình

Thiếu cơ sở vật chất, sân bãi, thiết bị nên việc dạy học GDTC còn nhiều hạn chế.

Tải trọng chương trình: Một số nội dung còn nặng so với thể chất và tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

Chưa phù hợp với thể trạng học sinh yếu, béo phì hoặc khuyết tật nhẹ: Ít có nội dung điều chỉnh phù hợp.

b. Về sách giáo khoa

Chưa đa dạng hình thức tiếp cận: Chủ yếu dựa vào hình ảnh minh họa, thiếu kênh chữ giải thích kỹ thuật động tác.

Một số hình ảnh khó mô phỏng: Đối với học sinh lớp 1, 2 việc quan sát và làm theo hình ảnh chưa thật sự hiệu quả nếu không có hỗ trợ từ giáo viên.

Chưa có tài liệu hỗ trợ cho giáo viên dạy liên môn hoặc tổ chức trò chơi sáng tạo.

3. Giải pháp thực hiện

Tăng cường tập huấn giáo viên: Đào tạo chuyên sâu về phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực, sử dụng SGK và xây dựng kế hoạch bài dạy linh hoạt.

Đầu tư cơ sở vật chất: Cần có chính sách hỗ trợ trang thiết bị, sân bãi phục vụ cho dạy học GDTC, đặc biệt ở các vùng khó khăn.

Xây dựng học liệu số: Video hướng dẫn, trò chơi mô phỏng, bài giảng trực tuyến... giúp giáo viên và học sinh dễ tiếp cận.

Lồng ghép giáo dục thể chất vào các hoạt động khác: Như trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, ngoại khóa, giúp GDTC không chỉ gói gọn trong tiết học.

4. Đề xuất

Biên soạn tài liệu bổ trợ: Các sách hướng dẫn chi tiết cho giáo viên (Sách giáo viên nâng cao, kho bài tập vận động sáng tạo, cẩm nang tổ chức trò chơi...).

Thiết kế chương trình GDTC cá thể hóa: Có lựa chọn phù hợp với học sinh đặc thù (yếu thể chất, khuyết tật...).

Tăng thời lượng vận động ngoài giờ học chính khóa: Đưa GDTC trở thành thói quen hằng ngày thông qua các câu lạc bộ thể thao trường học, hoạt động giữa giờ.

Phối hợp giữa nhà trường – phụ huynh – cộng đồng: Trong việc rèn luyện thể chất, tạo môi trường vận động an toàn và khuyến khích trẻ phát triển toàn diện.

***/ MÔN MĨ THUẬT**

1. Ưu điểm

a. Về chương trình

Phù hợp với định hướng phát triển năng lực học sinh: CT Mĩ thuật 2018 được thiết kế dựa trên mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực toàn diện cho học sinh, trong đó nhấn mạnh năng lực thẩm mỹ, sáng tạo, và thể hiện cảm xúc cá nhân.

Tăng cường tính trải nghiệm và thực hành: Chương trình chú trọng đến hoạt động thực hành, tạo điều kiện cho học sinh thể hiện ý tưởng thông qua nhiều hình thức khác nhau như vẽ tranh, nặn đất, cắt dán, thiết kế, v.v.

Tích hợp và liên môn: Có sự kết nối linh hoạt giữa Mĩ thuật với các môn học khác và với cuộc sống thực tiễn, tạo điều kiện để học sinh thấy được vai trò của nghệ thuật trong đời sống.

b. Về sách giáo khoa

Đa dạng, sinh động: SGK Mĩ thuật được trình bày đẹp mắt, nhiều hình ảnh minh họa trực quan, phong phú về nội dung, phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

Tăng tính mở và sáng tạo: SGK không áp đặt cách thực hiện, tạo điều kiện để giáo viên linh hoạt lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với điều kiện thực tế.

Hỗ trợ đánh giá năng lực: SGK cung cấp gợi ý đánh giá học sinh qua sản phẩm, quá trình học tập và sự thể hiện cảm xúc, giúp giáo viên đánh giá toàn diện.

2. Hạn chế

a. Về chương trình

Chưa đồng đều giữa các lớp: Một số nội dung còn nặng hoặc chưa phù hợp với tâm lý, kỹ năng của học sinh ở một số lớp đầu cấp (lớp 1, lớp 2).

Yêu cầu cao trong khi điều kiện thực tế còn hạn chế: Một số yêu cầu về phương tiện, vật liệu, thiết bị học tập chưa phù hợp với điều kiện của nhiều trường vùng sâu, vùng xa.

b. Về sách giáo khoa

Thiếu sự phân hóa: Một số hoạt động còn mang tính đồng loạt, chưa thực sự quan tâm đến sự khác biệt về năng lực, sở thích của từng học sinh.

Phụ thuộc vào hình ảnh: Học sinh có thể bị ảnh hưởng bởi hình mẫu trong SGK, ít có cơ hội phát huy tính sáng tạo riêng.

Chưa thống nhất giữa các bộ sách: Việc triển khai nhiều bộ SGK khiến giáo viên khó khăn trong việc lựa chọn, soạn bài, và trao đổi chuyên môn.

3. Giải pháp thực hiện

Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên: Đặc biệt là giáo viên dạy liên môn hoặc chưa được đào tạo chuyên sâu về Mỹ thuật.

Xây dựng kế hoạch linh hoạt: Giáo viên cần chủ động điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với điều kiện của lớp học và học sinh.

Huy động nguồn lực hỗ trợ: Tận dụng nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương, tăng cường hoạt động ngoài lớp học để giảm chi phí và tăng trải nghiệm thực tế.

Ứng dụng công nghệ thông tin: Sử dụng video, phần mềm thiết kế, trò chơi học tập... để làm phong phú phương pháp giảng dạy.

4. Đề xuất

Điều chỉnh nội dung một số bài học: Phù hợp hơn với đặc điểm lứa tuổi, tránh quá tải cho học sinh, đặc biệt ở lớp 1, 2.

Tăng cường SGK điện tử và học liệu mở: Giúp giáo viên có thêm tài nguyên trong quá trình giảng dạy và dễ dàng chia sẻ, điều chỉnh.

Phối hợp nhà trường – phụ huynh: Đề cử hỗ trợ học sinh về vật liệu học tập, khuyến khích hoạt động nghệ thuật tại nhà.

Nghiên cứu xây dựng chương trình phân hóa: Định hướng phát triển năng khiếu cho học sinh có khả năng nổi bật về Mỹ thuật.

***/ MÔN ÂM NHẠC**

1. Ưu điểm

a. Về chương trình:

Định hướng phát triển năng lực: CTGDPT 2018 định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, tạo cơ hội cho HS thể hiện bản thân qua hoạt động âm nhạc.

Tích hợp và linh hoạt: Chương trình tích hợp giữa hát, nghe nhạc, đọc nhạc, vận động theo nhạc, tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận âm nhạc một cách toàn diện.

Tính mở cao: Cho phép giáo viên chủ động trong lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đặc điểm vùng miền, đối tượng học sinh.

b. Về sách giáo khoa (SGK):

Thiết kế hấp dẫn: Hình ảnh sinh động, màu sắc bắt mắt, gần gũi với học sinh tiểu học.

Tích hợp liên môn: Nhiều bài học tích hợp kiến thức liên môn như mỹ thuật, lịch sử, văn học...

Chú trọng thực hành: Tăng cường hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, phát triển kỹ năng hát, vận động, cảm thụ âm nhạc.

2. Hạn chế

a. Về chương trình:

Khối lượng kiến thức dàn trải: Một số nội dung còn nặng, chưa thật sự phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh nhỏ tuổi.

Trang thiết bị âm nhạc chưa đầy đủ, không gian học tập hạn chế.

b. Về sách giáo khoa:

Chưa phong phú về thể loại âm nhạc: Chủ yếu tập trung vào nhạc thiếu nhi hiện đại, ít giới thiệu âm nhạc truyền thống dân tộc hoặc âm nhạc quốc tế đa dạng.

3. Giải pháp thực hiện

Bồi dưỡng, tập huấn giáo viên: Tăng cường các lớp tập huấn chuyên môn, phương pháp giảng dạy, sử dụng thiết bị công nghệ.

Đầu tư cơ sở vật chất: Trang bị đầy đủ nhạc cụ, thiết bị nghe nhìn, phòng học chức năng để nâng cao chất lượng dạy học âm nhạc.

Phát huy tính linh hoạt của chương trình: Giáo viên nên chủ động điều chỉnh nội dung cho phù hợp với thực tế lớp học và khả năng học sinh.

Khuyến khích sáng tạo và trải nghiệm: Tăng cường tổ chức hoạt động ngoài giờ, câu lạc bộ âm nhạc, liên hoan văn nghệ...

4. Đề xuất

Cập nhật, điều chỉnh SGK: Thêm nội dung âm nhạc truyền thống, dân ca, nhạc cụ dân tộc để phù hợp hơn với bản sắc văn hóa địa phương.

Tăng cường biên soạn học liệu hỗ trợ: Xây dựng kho tài nguyên âm nhạc số, clip hướng dẫn, phần mềm hỗ trợ dạy học.

Chính sách hỗ trợ giáo viên: Có cơ chế khuyến khích, đãi ngộ, hỗ trợ giáo viên âm nhạc ở vùng khó khăn.

Tăng thời lượng môn học: Cân nhắc tăng số tiết âm nhạc trong tuần để đảm bảo thời gian thực hành, trải nghiệm cho học sinh.

***/ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

1. Ưu điểm

a. Về chương trình:

Tính tích hợp và thực tiễn cao: Chương trình được xây dựng dựa trên quan điểm phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, gắn hoạt động học tập với đời sống thực tiễn.

Tập trung phát triển năng lực cá nhân và kỹ năng xã hội: Qua các hoạt động trải nghiệm, học sinh được rèn luyện các kỹ năng như giao tiếp, hợp tác, tự phục vụ, tự quản, giải quyết vấn đề.

Thiết kế theo mạch phát triển của học sinh: Các chủ đề phù hợp với tâm lý lứa tuổi và được sắp xếp theo tiến trình phát triển từ lớp 1 đến lớp 5.

Tạo điều kiện cho giáo viên sáng tạo: Chương trình mở, cho phép giáo viên linh hoạt trong việc tổ chức và điều chỉnh nội dung, hình thức hoạt động theo điều kiện cụ thể.

b. Về sách giáo khoa:

Hình thức đẹp, hấp dẫn: SGK được trình bày sinh động, hình ảnh phong phú, phù hợp với học sinh tiểu học.

Nội dung phong phú, gần gũi với đời sống: Các hoạt động được thiết kế theo hướng thực hành, học qua làm, gắn với bối cảnh gia đình, trường học và cộng đồng.

Khuyến khích học sinh tự tham gia và khám phá: SGK tạo điều kiện để học sinh chủ động tham gia các hoạt động trải nghiệm và chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của mình.

2. Hạn chế

a. Về chương trình:

Khó khăn trong triển khai đại trà: Thiếu nguồn lực để tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm.

b. Về sách giáo khoa:

Một số nội dung còn hàn lâm, thiếu tính thực tiễn: Một vài hoạt động mang tính hình thức, khó triển khai trong điều kiện thực tế.

Chưa phân hóa rõ theo vùng miền, đối tượng học sinh: SGK còn mang tính đồng loạt, chưa thực sự phù hợp với điều kiện địa phương hay học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

3. Giải pháp thực hiện

Tăng cường tập huấn cho giáo viên: Cần tổ chức các lớp bồi dưỡng, chia sẻ kinh nghiệm để giáo viên hiểu rõ và vận dụng linh hoạt chương trình.

Phát huy vai trò của nhà trường và cộng đồng: Huy động sự tham gia của phụ huynh, tổ chức đoàn thể và cộng đồng địa phương trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ: Tạo điều kiện để các hoạt động trải nghiệm được triển khai đa dạng, hiệu quả.

Xây dựng bộ công cụ đánh giá: Cần có hướng dẫn cụ thể, minh bạch về tiêu chí và phương pháp đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm.

4. Đề xuất

Phát triển tài liệu hướng dẫn giáo viên chi tiết: Bao gồm gợi ý cách tổ chức hoạt động, phương pháp đánh giá, xử lý tình huống thực tế.

Đưa hoạt động trải nghiệm vào đánh giá năng lực học sinh một cách thực chất: Kết hợp đánh giá quá trình và kết quả, chú trọng vào sự thay đổi hành vi và thái độ của học sinh.

***/ MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

1. Ưu điểm

a. Về Chương trình

Tích hợp kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội: Chương trình mới kết hợp các kiến thức về con người, tự nhiên, xã hội... giúp học sinh có cái nhìn tổng thể và gần gũi với cuộc sống hằng ngày.

Định hướng phát triển phẩm chất, năng lực: Chương trình nhấn mạnh việc hình thành năng lực quan sát, đặt câu hỏi, khám phá, giải thích và bảo vệ ý kiến – phù hợp với mục tiêu giáo dục phát triển toàn diện.

Tính mở và linh hoạt: CT cho phép GV sáng tạo trong thiết kế bài học, không rập khuôn, tạo điều kiện tích hợp liên môn.

b. Về Sách giáo khoa (SGK)

Hình ảnh sinh động, gần gũi: SGK trình bày đẹp, nhiều hình ảnh minh họa rõ ràng, phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học.

Nội dung thực tiễn: SGK đưa ra các tình huống, ví dụ gần bó với đời sống, từ đó giúp học sinh dễ tiếp thu và ứng dụng kiến thức.

Tích cực hóa học sinh: Các hoạt động học tập được thiết kế đa dạng: trò chơi, quan sát, thảo luận, thực hành... giúp học sinh chủ động, hứng thú trong học tập.

2. Hạn chế

a. Về Chương trình

Khối lượng kiến thức còn nhiều: Một số nội dung chưa thực sự phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh lớp 1, 2.

Tính tích hợp đôi khi gây khó khăn: Việc kết hợp các lĩnh vực (khoa học tự nhiên và xã hội) trong một môn học đòi hỏi giáo viên phải có kiến thức tổng hợp, dễ dẫn đến dạy lệch.

b. Về sách giáo khoa

Một số bài học còn nặng về lý thuyết: Mặc dù hình thức phong phú, song một số bài vẫn chưa tạo điều kiện cho học sinh trải nghiệm thực tế.

Thiếu tài liệu bổ trợ: Một số trường chưa có đủ thiết bị, tài liệu hỗ trợ cho các hoạt động trong SGK (tranh ảnh, dụng cụ thí nghiệm...).

3. Giải pháp thực hiện

Bồi dưỡng giáo viên: Tăng cường tập huấn cho giáo viên về phương pháp dạy học tích cực, tích hợp và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn học.

Phát triển học liệu bổ trợ: Cung cấp các video, hình ảnh, phiếu học tập, học liệu số... giúp GV dễ tổ chức dạy học và HS dễ tiếp cận.

Tăng cường đánh giá năng lực: Chuyển từ đánh giá kiến thức sang đánh giá năng lực, thông qua các sản phẩm học tập, hoạt động thực hành của học sinh.

Hỗ trợ cơ sở vật chất: Trang bị thiết bị dạy học tối thiểu, đặc biệt là tranh

ảnh, mô hình, công cụ trực quan cho các trường.

Nhà xuất bản: Tăng cường các ấn phẩm bổ trợ, tài liệu hướng dẫn dành cho giáo viên và phụ huynh.

Nhà trường: Chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với điều kiện địa phương.

Giáo viên: Chủ động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, tự học để nắm vững các lĩnh vực tích hợp trong môn học.

***/ MÔN TIN HỌC**

1. Ưu điểm

a. Về chương trình

Hiện đại, tiếp cận theo năng lực: Chương trình Tin học 2018 ở tiểu học định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, thay vì chỉ truyền đạt kiến thức. Học sinh được rèn kỹ năng sử dụng máy tính, tư duy logic, giải quyết vấn đề, làm quen lập trình cơ bản.

Tính kế thừa và liên thông: CT lớp 3, 4, 5 có sự nối tiếp mạch lạc, từ nhận biết máy tính, sử dụng phần mềm, đến lập trình và an toàn thông tin.

Lồng ghép kỹ năng số và đạo đức số: Chú trọng việc học sinh sử dụng CNTT an toàn, có trách nhiệm – một kỹ năng cần thiết trong thời đại số.

b. Về sách giáo khoa (SGK)

Thiết kế đẹp, trực quan: Hình ảnh sinh động, màu sắc hấp dẫn giúp học sinh dễ tiếp cận và tạo hứng thú.

Bài học ngắn gọn, rõ ràng: Ngôn ngữ gần gũi, phù hợp tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

Có tính thực hành cao: Nhiều hoạt động tương tác, thực hành trên máy tính, giúp học sinh dễ hiểu và nhớ lâu.

Phù hợp với lứa tuổi: Các yêu cầu về nội dung và kỹ năng được sắp xếp phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học.

b. Về sách giáo khoa

Hình thức sinh động, trực quan: SGK được trình bày đẹp, nhiều hình ảnh minh họa rõ ràng, dễ hiểu, tăng hứng thú học tập cho học sinh.

Hoạt động học tập phong phú: Có nhiều hoạt động khuyến khích học sinh quan sát, thảo luận, thực hành, trải nghiệm thực tế.

Đa dạng hóa nội dung vùng miền: Một số bộ SGK có nội dung phù hợp với đặc điểm vùng miền, góp phần tăng tính linh hoạt trong tổ chức dạy học.

2. Hạn chế

a. Về chương trình

Nội dung còn dàn trải: Một số phần còn quá nhiều kiến thức, gây khó khăn trong việc dạy học theo hướng trải nghiệm, thực hành.

Thiếu tài liệu hướng dẫn thực hành: Học liệu chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến việc tổ chức hoạt động thực hành.

b. Về sách giáo khoa

Một số thuật ngữ khó hiểu: Với học sinh tiểu học, một số từ ngữ và khái niệm kỹ thuật chưa được giải thích rõ hoặc còn mang tính hàn lâm.

Chưa thật sự phân hóa: Một số nội dung chưa có tính phân hóa cao, gây khó khăn với học sinh yếu hoặc học sinh ở vùng khó khăn.

Hoạt động thực hành chưa gắn chặt với thực tế địa phương: Nhiều nội dung thiết kế chung chung, chưa sát với điều kiện của học sinh nông thôn, miền núi.

3. Giải pháp thực hiện

Tăng cường bồi dưỡng giáo viên: Tổ chức tập huấn chuyên sâu về phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực và triển khai hiệu quả chương trình.

Phát triển học liệu hỗ trợ: Cung cấp tài liệu hướng dẫn thực hành, video mô phỏng, thiết bị và nguyên vật liệu đơn giản phù hợp với nội dung từng bài.

Xây dựng giáo án linh hoạt: Cho phép giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, hoạt động cho phù hợp với điều kiện dạy học thực tế.

Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình: Để học sinh có cơ hội thực hành ở nhà, liên hệ kiến thức với cuộc sống hàng ngày.

4. Đề xuất

Rà soát, điều chỉnh chương trình theo hướng tinh gọn: Tập trung vào các nội dung cốt lõi, có tính ứng dụng cao, tránh quá tải.

Biên soạn SGK và tài liệu kèm theo có phân hóa: Tăng tính gợi mở, cung cấp lựa chọn đa dạng hơn cho học sinh và giáo viên.

Đầu tư trang thiết bị dạy học: Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các trường vùng khó khăn để đảm bảo điều kiện tổ chức dạy học thực hành.

Tổ chức đánh giá hiệu quả chương trình định kỳ: Thu thập phản hồi từ giáo viên và học sinh để kịp thời điều chỉnh CT và SGK cho phù hợp thực tế.

***/ MÔN TIẾNG ANH**

1. Ưu điểm

a. Chương trình

Hiện đại, cập nhật xu hướng quốc tế: CT môn Tiếng Anh được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, tiệm cận với các khung năng lực ngoại ngữ quốc tế như CEFR.

Tích hợp kỹ năng: Chương trình phát triển cả 4 kỹ năng: nghe – nói – đọc – viết, chú trọng đến giao tiếp thực tế.

Phù hợp với tâm lý lứa tuổi: Nội dung gần gũi với đời sống, mang tính giao tiếp cao, tạo hứng thú cho học sinh tiểu học.

Tăng thời lượng học: So với chương trình cũ, thời lượng môn Tiếng Anh đã được nâng lên, giúp học sinh có điều kiện tiếp xúc ngoại ngữ thường xuyên hơn.

b. Sách giáo khoa (SGK)

Thiết kế đẹp, sinh động: Hình ảnh minh họa bắt mắt, nội dung được trình bày rõ ràng, dễ tiếp cận.

Tích hợp công nghệ: Nhiều bộ SGK đi kèm với học liệu số, app, video hỗ trợ dạy học hiệu quả.

Chú trọng hoạt động học sinh: Nhiều hoạt động học mang tính tương tác, khuyến khích học sinh sử dụng ngôn ngữ thực hành.

2. Hạn chế

a. Chương trình

Mức độ khó cao với nhiều học sinh: Một số nội dung vượt quá khả năng tiếp nhận của học sinh, đặc biệt là ở vùng nông thôn, miền núi, nơi điều kiện tiếp cận ngoại ngữ còn hạn chế.

Chưa có lộ trình phân hóa rõ ràng: Các em học sinh có trình độ khác nhau nhưng CT chưa thực sự đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng.

b. Sách giáo khoa

Nội dung còn nặng so với học sinh lớp 3-4: Nhiều bài học sử dụng cấu trúc ngữ pháp hoặc lượng từ vựng khá nhiều, dễ gây quá tải.

Một số hình ảnh, tình huống chưa thật gần gũi: Một số nội dung mang tính “quốc tế” cao, chưa gắn với văn hóa Việt Nam, khiến học sinh khó liên hệ thực tế.

Phụ thuộc vào thiết bị công nghệ: SGK tích hợp công nghệ nhưng thực tế nhiều trường thiếu thiết bị hoặc không đủ đường truyền mạng.

3. Giải pháp thực hiện

Tập huấn giáo viên thường xuyên: Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng giáo viên về phương pháp dạy học phát triển năng lực, sử dụng học liệu số.

Điều chỉnh nội dung phù hợp vùng miền: Có phiên bản SGK hoặc tài liệu bổ trợ phù hợp với điều kiện học tập ở các vùng khác nhau.

Tăng cường hỗ trợ công nghệ: Đầu tư trang thiết bị dạy học cho các trường còn thiếu.

Tăng cường tài liệu bổ trợ phân hóa: Cung cấp học liệu đa dạng, phù hợp với trình độ học sinh khác nhau (có thể chia theo mức A – B – C hoặc theo năng lực).

Phối hợp với phụ huynh: Hướng dẫn cha mẹ học sinh cùng hỗ trợ quá trình học ngoại ngữ tại nhà.

4. Đề xuất

Rà soát, điều chỉnh chương trình theo hướng mềm dẻo hơn: Có thể chia thành 2 mức (chuẩn và nâng cao) để phù hợp với mặt bằng học sinh.

Tiếp tục hoàn thiện SGK theo hướng "Việt hóa": Gắn nội dung học với thực tế và văn hóa Việt Nam, tạo sự gần gũi cho học sinh.

Xây dựng ngân hàng học liệu số dùng chung: Học liệu đa phương tiện (video, audio, trò chơi...).

Tổ chức đánh giá định kỳ việc triển khai CT – SGK: Thu thập phản hồi từ giáo viên – học sinh – phụ huynh để có điều chỉnh kịp thời.

- Về tài liệu giáo dục địa phương

1. Ưu điểm:

Tính đặc trưng văn hóa cao: Tài liệu GDĐP Hải Phòng tiểu học thể hiện rõ nét giá trị văn hóa truyền thống của quê hương như lễ hội truyền thống, di tích lịch sử, giúp học sinh hình thành lòng tự hào và yêu quê hương.

Phù hợp với lứa tuổi tiểu học: Nội dung tài liệu được chọn lọc tương đối dễ hiểu, có hình ảnh minh họa sinh động, tạo hứng thú cho học sinh.

Tích hợp nhiều môn học: Tài liệu được xây dựng theo hướng tích hợp kiến thức của các môn như Lịch sử, Địa lý, Đạo đức, Mỹ thuật, giúp học sinh học tập một cách toàn diện.

Khuyến khích hoạt động trải nghiệm: Tài liệu có nhiều hoạt động hướng dẫn học sinh khám phá thực tế địa phương như thăm làng nghề, nghe quan họ, vẽ tranh về quê hương...

2. Hạn chế:

Tính cập nhật chưa cao: Một số nội dung còn mang tính truyền thống, chưa đề cập nhiều đến sự phát triển hiện đại của Hải Phòng như công nghiệp, đô thị hóa, khu công nghệ cao.

Thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa các lớp: Các tài liệu ở các lớp chưa có sự thống nhất và kế thừa hợp lý, dẫn đến trùng lặp hoặc thiếu mạch lạc trong nội dung.

Tài liệu vẫn nặng tính lý thuyết: Một số nội dung còn khô khan, mang tính mô tả, chưa gắn liền với hoạt động thực tiễn hay trải nghiệm sáng tạo của học sinh.

Nguồn học liệu hỗ trợ còn hạn chế: Thiếu video, tranh ảnh chất lượng, hoặc các sản phẩm số hóa kèm theo để hỗ trợ giáo viên và học sinh.

3. Giải pháp thực hiện:

Bồi dưỡng giáo viên: Tổ chức tập huấn thường xuyên cho giáo viên tiểu học về cách khai thác, giảng dạy GDĐP theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh.

Tăng cường hoạt động trải nghiệm: Thiết kế nhiều hơn các bài học gắn với thực hành, tham quan thực tế, các dự án nhỏ để học sinh vận dụng kiến thức GDĐP vào cuộc sống.

Ứng dụng công nghệ: Xây dựng hệ thống tài liệu số, video, tranh ảnh, câu chuyện lịch sử... để hỗ trợ dạy học sinh động, hấp dẫn.

Rà soát, cập nhật nội dung: Hàng năm cần cập nhật lại tài liệu để bổ sung thông tin mới, phù hợp với sự thay đổi của địa phương.

4. Đề xuất:

Xây dựng kho học liệu mở về GDĐP Hải Phòng: Có thể tạo website hoặc phần mềm để lưu trữ tài liệu, video, bài giảng, sản phẩm học sinh để chia sẻ và dùng chung.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan văn hóa – lịch sử địa phương: Để tài liệu được xác thực và phong phú hơn.

Khuyến khích học sinh trở thành “nhà nghiên cứu nhỏ”: Tạo các cuộc thi tìm hiểu văn hóa địa phương, làm video clip, viết truyện, vẽ tranh về quê hương Bắc Ninh.

Tổ chức hội thảo, tọa đàm: Để lắng nghe phản hồi từ giáo viên, phụ huynh và học sinh nhằm cải tiến tài liệu GDĐP.

- *Đánh giá chung:*

+ Ưu điểm:

a. Đổi mới nội dung, phương pháp tiếp cận:

Chương trình được thiết kế theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, lấy người học làm trung tâm.

SGK thể hiện rõ quan điểm tích hợp, giảm tải kiến thức hàn lâm, tăng cường kỹ năng thực hành, trải nghiệm.

b. Đa dạng SGK, tăng tính chủ động cho địa phương:

Việc có nhiều bộ SGK để lựa chọn giúp nhà trường và giáo viên chủ động trong giảng dạy, phù hợp với điều kiện thực tế và trình độ học sinh.

c. Tài liệu giáo dục địa phương.

Nội dung tài liệu giáo dục địa phương (GDĐP) bám sát đặc điểm lịch sử, văn hóa, truyền thống và điều kiện tự nhiên - xã hội của tỉnh.

Giúp học sinh thêm hiểu, thêm yêu quê hương Hải Phòng qua các chủ đề.

Phối hợp hài hòa với nội dung SGK, góp phần phát triển năng lực văn hóa - xã hội, đạo đức, thẩm mỹ cho học sinh.

+ Tồn tại:

1. Chương trình và SGK:

Một số nội dung còn hàn lâm, chưa phù hợp với tâm lý lứa tuổi tiểu học, nhất là học sinh lớp 1, lớp 2.

Còn tình trạng chênh lệch giữa yêu cầu chương trình và năng lực triển khai thực tế tại cơ sở giáo dục.

2. Tài liệu giáo dục địa phương:

Một số nội dung còn mang tính kể lể, thiên về truyền tải thông tin, chưa khai

thác hết khả năng tổ chức hoạt động cho học sinh.

Thiếu hình ảnh minh họa hoặc tài liệu hỗ trợ dạy học (video, tài liệu số).

Cách tiếp cận đôi khi vẫn nặng tính truyền thống, ít đổi mới về phương pháp truyền đạt, chưa khai thác tối đa hình thức trải nghiệm, thực hành

6. Về tổ chức thực hiện dạy học tại các cơ sở giáo dục

**/ Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục*

Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện CTGDPT 2018.

Trước mỗi năm học (hè) và trong năm học, các tổ đã tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề.

Nhà trường giao quyền tự chủ cho giáo viên; Hướng dẫn giáo viên nghiên cứu, đánh giá các bản mẫu sách giáo khoa để đề xuất với tổ chuyên môn lựa chọn theo quy định ...

GV được tự chủ chuyên môn, chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, các lớp với những điều kiện khác nhau có thể thực hiện chương trình theo kế hoạch khác nhau, để phù hợp với học sinh, điều kiện của lớp, có thể điều chỉnh bài học trong bao nhiêu tiết, tùy vào nhận thức của học sinh từ đó nâng cao hiệu quả, chất lượng dạy-học.

**/ Đổi mới phương pháp giáo dục*

Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020. Chỉ đạo Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần /tháng; tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc sinh hoạt chuyên môn theo nghiêm cứu bài học thực hiện đầy đủ 4 bước. Sau mỗi chuyên đề các tổ, tổ chức cho giáo viên trao đổi, chia sẻ tập trung vào hoạt động của học sinh, cách thức tổ chức hoạt động cho học sinh,...rút kinh nghiệm và áp dụng phù hợp với từng lớp.

Nhà trường đã xây dựng các phương án dạy và học. Các tổ chủ động điều chỉnh, lựa chọn chương trình, nội dung kiến thức để quá trình dạy và học phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo được mục tiêu, nội dung đáp ứng yêu cầu cần đạt theo CTGDPT- 2018 đối với các khối lớp.

**/ Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh*

Tập huấn cho CBGV về đánh giá, khen thưởng học sinh theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT- BGDĐT-GDTH ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường nhận xét, đánh giá, động viên bằng lời. Phát huy việc đánh giá học sinh bằng nhiều hình thức khác nhau.

Tổ chức cho cha mẹ học sinh trao đổi với giáo viên về các nhận xét, đánh giá học sinh bằng các hình thức phù hợp và phối hợp với giáo viên động viên, giúp

đỡ học sinh học tập, rèn luyện và phát triển từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi.

Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên dạy cùng lớp, thông qua các nhận xét, các biểu hiện trong quá trình đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của mỗi học sinh đánh giá theo đúng quy định.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, giành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học, cách đánh giá.

*** / Hỗ trợ giáo viên**

Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện giao quyền cho tổ trưởng, giáo viên chủ động chương trình giảng dạy. Tổ chức chuyên đề theo tổ, khối lớp, thăm lớp dự giờ, tư vấn... kịp thời cho đội ngũ giáo viên.

*** / Kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm triển khai sau từng năm học.**

Về các nội dung:

+ Công tác chỉ đạo, quản lý

Việc xây dựng kế hoạch triển khai CTGDPT 2018 hằng năm.

Phân công nhiệm vụ, kiểm tra nội bộ, bồi dưỡng giáo viên, quản lý thiết bị...

Sự phối hợp giữa nhà trường – giáo viên – phụ huynh.

+ Đội ngũ giáo viên

Mức độ hiểu và vận dụng chương trình mới, nhất là đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá.

Việc thiết kế kế hoạch bài dạy (giáo án) theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Nhu cầu bồi dưỡng, hỗ trợ chuyên môn.

+ Tổ chức dạy học

Việc dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

Tổ chức hoạt động trải nghiệm, môn tích hợp, hoạt động giáo dục bắt buộc.

Dạy học phân hóa, hỗ trợ học sinh chưa hoàn thành.

+ Kiểm tra, đánh giá học sinh

Việc thực hiện Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh tiểu học.

Ghi nhận, phản hồi, điều chỉnh phương pháp dạy từ kết quả đánh giá.

+ Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Trang bị tối thiểu, thiết bị dạy học lớp học thông minh, thư viện sách giáo khoa mới...

Việc sử dụng, bảo quản và phát huy hiệu quả thiết bị.

+ Công tác truyền thông và xã hội hóa

Mức độ đồng thuận của phụ huynh.

Sự tham gia của cộng đồng vào giáo dục theo CTGDPT 2018.

*/ Đánh giá chung

+ Ưu điểm

Đội ngũ giáo viên đều đạt chuẩn, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có trình độ chuyên môn vững vàng. Tích cực tham gia hội giảng và các chuyên đề. Luôn học hỏi để từng bước hoàn thiện nhiệm vụ được giao.

Ban đại diện cha mẹ học sinh, phụ huynh học sinh quan tâm và ủng hộ đến việc thực hiện Chương trình giáo dục 2018.

Cơ sở vật chất khá đầy đủ phục vụ cơ bản cho việc dạy học theo Chương trình giáo dục PT 2018.

Nhà trường luôn quan tâm đến đội ngũ giáo viên như thăm lớp, dự giờ trao đổi những khó khăn vướng mắc khi thực hiện chương trình. Chất lượng giáo dục có sự chuyển biến rõ rệt.

+ Tồn tại

Khó khăn, tồn tại chủ yếu;

Trong giờ dạy đôi khi chưa linh hoạt về sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực.

Năm học đầu tiên với lớp 5, năm thứ hai với lớp 4, năm thứ 3 với lớp 3, năm thứ 4 với lớp 2, năm thứ 5 với lớp 1 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phần nào giáo viên cũng không tránh khỏi những bỡ ngỡ.

Việc mua sắm đồ dùng, thiết bị cho giáo viên và học sinh chưa kịp thời ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình dạy và học.

7. Về xã hội hóa giáo dục, công tác truyền thông

Nhà trường đã tổ chức tốt công tác tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và người dân hiểu rõ mục tiêu, nguyên tắc, định hướng trong việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán, quán triệt sâu rộng các văn bản chỉ đạo của các cấp lãnh đạo về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

Thông báo rộng rãi đến tận CMHS về quyết định loại sách được chọn thuộc các lớp để CMHS được biết và chuẩn bị cho con em trước khi tựu trường.

Huy động sự tham gia của toàn xã hội vào công tác giáo dục: gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức xã hội quan tâm xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTGDPT 2018 với cấp tiểu học.

8. Kết quả đạt được

- Kết quả giáo dục tổng hợp theo Bảng 8 (có biểu mẫu kèm theo).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Chương trình chuyển mạnh từ việc "truyền thụ kiến thức, kỹ năng" sang "hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất".

Các phẩm chất tích cực được phát huy như: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm....

Nhà trường có quyền chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục.

Phù hợp hơn với điều kiện, đặc thù từng địa phương và học sinh.

Ở cấp tiểu học các môn học được tích hợp nhằm tránh trùng lặp.

Đẩy mạnh dạy học phát triển năng lực, dạy học dự án, nghiên cứu bài học.

Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng đánh giá năng lực, quá trình học tập, thay vì chỉ kiểm tra kết quả cuối cùng.

2. Hạn chế

Nhiều giáo viên còn lúng túng, chưa quen với yêu cầu mới.

Điều kiện dạy học chưa đáp ứng được yêu cầu mới (thiếu phòng học bộ môn, thiết bị thí nghiệm, dụng cụ trực quan, thiết bị thực hành,...).

3. Nguyên nhân và giải pháp

Nguyên nhân:

- Giáo viên chưa được chuẩn bị đầy đủ, tập huấn chưa thực sự sâu sát, còn hình thức. Nhiều giáo viên quen với cách dạy truyền thống, khó thay đổi sang phương pháp phát triển năng lực.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đồng bộ, các phòng học bộ môn, thiết bị thí nghiệm, học liệu hỗ trợ còn thiếu. Đặc biệt ở vùng sâu vùng xa, điều kiện rất hạn chế.

- Công tác truyền thông về chương trình mới chưa hiệu quả, phụ huynh, học sinh, thậm chí cả một số cán bộ quản lý giáo dục chưa hiểu đúng tinh thần chương trình mới.

- Sự thiếu đồng bộ trong các khâu triển khai như Chính sách thi cử, tuyển sinh kiểm tra khảo sát chưa đồng bộ với mục tiêu phát triển năng lực.

Giải pháp khắc phục:

- Bồi dưỡng, tập huấn giáo viên một cách thực chất, có chính sách bồi dưỡng, tuyển dụng giáo viên các môn mới, môn ít người học.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:
- Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng:

4. Bài học kinh nghiệm

- Đặt giáo viên làm trung tâm của quá trình đổi mới, giáo viên vừa là người thực hiện, vừa là người sáng tạo trong quá trình dạy học theo chương trình mới. Phải liên tục bồi dưỡng, hỗ trợ, đồng hành cùng giáo viên.

- Kiên trì nhưng cũng cần thường xuyên đánh giá, điều chỉnh, chương trình mới cần thời gian để phát huy hiệu quả, phải liên tục khảo sát thực tế, thu thập ý kiến phản hồi và điều chỉnh kịp thời để phù hợp hơn với thực tiễn.

V. ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO

1. Tiếp tục triển khai một cách chắc chắn, thực chất và hiệu quả:

Không nóng vội, không hình thức; tập trung vào chất lượng thực tế trong từng hoạt động dạy và học.

2. Tăng cường bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý:

- Bồi dưỡng thường xuyên, liên tục, hỗ trợ tại chỗ cho giáo viên theo hướng "học đi đôi với hành".

- Chú trọng nâng cao năng lực thiết kế bài học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và kỹ năng đánh giá năng lực.

3. Hoàn thiện chương trình, sách giáo khoa và học liệu hỗ trợ:

- Rà soát, cập nhật các bộ sách giáo khoa đã ban hành để đảm bảo tính thực tiễn, khoa học, giảm tải kiến thức nặng.

- Phát triển thêm các tài liệu hướng dẫn dạy học, bài tập, học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên và học sinh.

4. Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực:

- Xây dựng các hình thức kiểm tra đa dạng (bài tập dự án, sản phẩm học tập, hồ sơ học tập...).

5. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đồng bộ:

- Tăng cường trang bị phòng học bộ môn, thiết bị thí nghiệm, phần mềm hỗ trợ học tập đặc biệt cho các môn tích hợp, môn lựa chọn.

- Ưu tiên vùng khó khăn để đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục.

6. Phát huy vai trò tự chủ, sáng tạo của các nhà trường:

- Khuyến khích trường học chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp điều kiện địa phương.

- Tăng quyền tự chủ về chuyên môn, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, trải nghiệm sáng tạo.

7. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tạo sự đồng thuận xã hội:

- Tuyên truyền sâu rộng để phụ huynh, học sinh và cộng đồng hiểu, chia sẻ

và đồng hành cùng quá trình đổi mới.

- Biểu dương kịp thời những cá nhân, tập thể điển hình trong thực hiện chương trình

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Thành phố bố trí nguồn kinh phí hợp lí cho các cơ sở giáo dục để xây dựng phòng học thông minh, trang thiết bị của phòng học ngoại ngữ.

Sở GD&ĐT tăng cường tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy cho giáo viên.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- BP chuyên môn, các tổ chuyên môn;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Chi